TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 17-4-2020
V/V "Ly hôn giữa bà SaL và ông T".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Dình.

Ông Võ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HN ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim SaL. Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện H, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-01-2020 và trong quá trình xét xử bà Nguyễn Thị Kim SaL là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phong T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau và mâu thuẫn giữa bà với chị ruột của ông T. Bà và ông T không chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/11/2001 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà SaL yêu cầu ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Ông T vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà SaL và ông T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà SaL vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà SaL và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà SaL yêu cầu ly hôn với ông T, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng (vắng mặt không có lý do) điều đó chứng tỏ ông T cũng không còn quan tâm gì đối với cuộc sống hôn nhân của chính mình theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà SaL đối với ông T.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/11/2001 (đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà SaL phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 09, 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim SaL ly hôn với ông

Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Bà SaL phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000237 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Bình Phong T.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Trí